

ĐỀ CƯƠNG
THÔNG BÁO NHANH KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN
CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá, từ ngày 03/10 đến ngày 09/10/2022, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã họp bàn, cho ý kiến về các nội dung sau:

(1) Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025; phương án điều chỉnh tiền lương, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công trong năm 2023.

(2) Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(3) Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(4) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

(5) Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

(6) Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 6 đến Hội nghị Trung ương 7 khoá XIII.

(7) Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2021.

(8) Công tác cán bộ.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2023 - 2025; PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG, LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG TRONG NĂM 2023

1. Về đánh giá tình hình năm 2022

Năm 2022, tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự Nga - U-crai-na xảy ra và còn kéo dài;... Trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng, dầu, nguyên, vật liệu, các yếu tố đầu vào biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; trong khi đó, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn, thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự tin tưởng, tham gia tích cực của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quản lý của

Nhà nước, sự đồng hành, ủng hộ của Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực; ước cả năm đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức khoảng 4%, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Thu ngân sách nhà nước ước cả năm vượt 14,3% dự toán; xuất khẩu tăng khoảng 9,5%, tiếp tục xuất siêu; phòng, chống dịch Covid-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu, cả 3 khu vực của nền kinh tế phục hồi và phát triển mạnh; tăng trưởng GDP cả năm ước đạt khoảng 8% (mục tiêu đề ra là 6 - 6,5%).

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những hạn chế, bất cập và gặp nhiều khó khăn, thách thức; tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt lao động cho giai đoạn phục hồi và phát triển, nhất là lao động chất lượng cao. Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu, tiến độ đề ra; việc triển khai một số chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm. Dịch Covid-19 có thể tiếp tục diễn biến phức tạp; tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế tại một số cơ sở khám, chữa bệnh chưa được xử lý dứt điểm.

Từ những kết quả đạt được và hạn chế, khó khăn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu những tháng cuối năm 2022 là:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19. Giải quyết vướng mắc trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế để sớm khắc phục tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

- Theo dõi chặt chẽ, dự báo diễn biến chính sách tài khoá, tiền tệ của các nước lớn, là đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam; có giải pháp về nguồn hàng, điều tiết sản xuất, bảo đảm cung ứng cho sản xuất, đời sống, nhất là các mặt hàng thiết yếu, điện, xăng, dầu.

- Thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; bảo đảm cung cấp đủ tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.

- Thúc đẩy tăng thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi chặt chẽ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tập trung giải quyết tình trạng thiếu lao động cục bộ tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế lớn; quan tâm, chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội; có các giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động xã hội.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện bộ máy bên trong tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính.

2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023

2.1. Quan điểm

(1) Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết chuyên đề của Trung ương, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu.

(2) Đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình mới, khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, vận hội mới trong phát triển kinh tế - xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

(3) Chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn theo hướng: Bảo đảm ổn định trong điều kiện có nhiều bất định; chủ động thích ứng linh hoạt, hiệu quả trước những diễn biến phức tạp, khó lường; ứng phó kịp thời với nguy cơ suy thoái, khủng hoảng từ bên ngoài; giải quyết hài hoà giữa hợp tác và cạnh tranh kinh tế quốc tế trong điều kiện hội nhập sâu rộng.

(4) Đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, vừa tập trung xử lý hiệu quả các nhiệm vụ nặng nề, thường xuyên, các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách, bất ngờ phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn. Chủ động ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

(5) Phát triển văn hoá phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, đặc biệt là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế.

(6) Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế; đảm bảo môi trường ổn định, hoà bình, hợp tác để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

2.2. Mục tiêu: Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh; cơ cấu lại, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế; củng cố, phát triển các động lực tăng trưởng mới.

2.3. Định hướng các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

(1) Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt khoảng 6,5%, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%. Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tập trung thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia.

(2) Giữ vững thành quả phòng, chống dịch Covid-19; các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra. Tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng; thực hiện tính đúng,

tính đủ các yếu tố chi phí vào giá dịch vụ y tế; chấm dứt tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

(3) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Phát triển mạnh thị trường lao động, thúc đẩy giải quyết việc làm. Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2026.

(4) Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2023. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, mở rộng đào tạo nghề, nhất là đào tạo kỹ năng nghề, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(5) Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, các dự án đường cao tốc: Đắk Nông - Bình Phước; Nam Định - Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng; Lạng Sơn - Cao Bằng; Hoà Bình - Mộc Châu; Hà Giang - Tuyên Quang; nâng cấp mở rộng và khai thác lưỡng dụng một số sân bay theo phương thức hợp tác công tư như Phan Thiết, Thành Sơn, Chu Lai, Lào Cai, Nà Sản, Yên Bái, Vinh, Biên Hoà, Gia Lâm và một số sân bay khác.

(6) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

(7) Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đời sống văn hoá cơ sở, thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Chương trình phát triển văn hoá giai đoạn 2022 - 2030. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; phấn đấu giảm tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 1-1,5%. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

(8) Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chuyển đổi năng lượng; chủ động phòng, chống thiên tai, giám sát, ứng phó, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

(9) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

3. Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất cân rà soát, có giải pháp huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công; củng cố vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, phát huy tính chủ động, sáng tạo của ngân sách địa phương. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, thất thu thuế trong thương mại điện tử, quản lý chặt chẽ hoàn thuế; đôn đốc thu hồi, giảm tỉ lệ nợ đọng thuế. Nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi chưa thực sự cần thiết bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành chặt chẽ việc điều chỉnh giá các hàng hoá quan trọng, dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá, nhất là giá xăng, dầu, điện, góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đời sống và kiểm soát lạm phát.

II- ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA THỜI KỲ 2021- 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận, thống nhất cao về sự cần thiết phải ban hành và tổ chức thực hiện thật tốt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định đây là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, lâu dài, nhưng cũng là vấn đề rất rộng lớn, rất mới, rất khó, rất nhạy cảm và chưa có tiền lệ; nhận thức thật sâu sắc và quán triệt thật đầy đủ những nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, nội dung chủ yếu của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phải xác định rõ và đúng những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo; những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu cần phấn đấu để đạt được; và các định hướng lớn về phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu; định hướng tổ chức không gian phát triển theo vùng, lãnh thổ; định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây; kết nối các cảng biển, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất ban hành Kết luận về định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị hoàn chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Quốc hội khoá XV xem xét, quyết định.

III- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Tình hình và nguyên nhân

Trong hơn 35 năm đổi mới, nhất là trong 10 năm qua, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành. Nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng lực độc lập, tự chủ thấp, phụ thuộc nhiều vào khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, năng suất lao động thấp, chậm được cải thiện; đô thị hoá thiếu đồng bộ, chưa gắn kết. Vấn đề về phát triển văn hoá, xã hội, con người, môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập.

2. Quan điểm, mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Quan điểm

(1) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

(2) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hoà mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.

(3) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của nước đi sau và đang trong thời kỳ dân số vàng; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang sáng tạo, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu; chú trọng dịch vụ hoá các ngành công nghiệp. Coi chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

(4) Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; coi nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao

gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng.

(5) Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị văn hoá truyền thống, bản lĩnh con người Việt Nam và vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân và giai cấp công nhân hiện đại.

2.2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030: Phân đầu hoàn thành các tiêu chí của nước công nghiệp, trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao, công nghiệp ưu tiên; nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ tiên tiến, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; bình quân đầu người khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới; lao động xã hội dưới 20%; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỉ lệ đạt khoảng 260 sinh viên trên một vạn dân. Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; công nghiệp đạt trên 40% GDP; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD. Tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hợp quốc. Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7; chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Môi trường kinh doanh được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam hoàn thành quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, xã hội văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

(1) Đổi mới tư duy, nhận thức đầy đủ và sâu sắc về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn mới.

(2) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

(3) Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng.

(4) Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(5) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới.

(6) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

(7) Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

(8) Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhanh, bền vững.

(9) Quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước.

(10) Phát huy giá trị văn hoá, bản lĩnh con người Việt Nam; xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh, lực lượng doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

IV- TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Tình hình

Sau hơn 35 năm đổi mới và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Hệ thống pháp luật hoàn thiện một bước cơ bản; vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng. Bộ máy nhà nước từng bước được tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn những hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Ý thức chấp hành pháp luật còn chưa nghiêm; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước; tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật còn một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện, vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ.

2. Quan điểm

(1) Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định sự lãnh đạo, đường lối đổi mới của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đổi mới hệ thống chính trị nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

(2) Thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự giám sát của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(3) Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa. Con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

(4) Bám sát thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

(5) Bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; quyền lực nhà nước được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực; thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội; cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả.

4. Trọng tâm

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường phân cấp, phân quyền, xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử; thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

5. Nhiệm vụ và giải pháp

5.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

5.2. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thượng tôn Hiến pháp, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân

5.3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững

5.4. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội

5.5. Tiếp tục hoàn thiện chế định Chủ tịch nước

5.6. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

5.7. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân

5.8. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để *không thể* tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực để *không dám* tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, có cơ chế bảo đảm để *không cần* tham nhũng, tiêu cực; xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm để *không muốn* tham nhũng, tiêu cực.

5.9. Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

5.10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

V- TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA X VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, với những nội dung cơ bản sau:

1. Quan điểm

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải gắn với hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ".

- Gắn với tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mục tiêu

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng trong giai đoạn mới; đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của Đảng.

- Đề cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

- Xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân; bám sát thực tiễn, cầu thị, học hỏi, nói đi đôi với làm.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

4.1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng

- Đổi mới việc lựa chọn, ban hành nghị quyết, văn bản của Đảng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, chỉ ban hành nghị quyết, văn bản mới khi thật sự cần thiết, cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng; xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, nguyện vọng chính đáng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Có giải pháp hiệu quả khắc phục tình trạng văn bản luật thiếu tính ổn định, còn chung chung, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; chống tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong xây dựng pháp luật.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, công tác dự báo và chất lượng tham mưu, giúp việc của các ban xây dựng Đảng, nhất là trong tham mưu chiến lược hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng.

4.2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ

a) Về tổ chức bộ máy

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong chấp hành, thực hiện có hiệu quả nghị quyết, quy định của Đảng liên quan đến tổ chức bộ máy; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nhất là tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, đẩy mạnh tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm gắn với nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện xây dựng vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức, làm cơ sở để Bộ Chính trị quyết định tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031.

b) Về công tác cán bộ

- Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

- Hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình lựa chọn, phân công, giới thiệu cán bộ của các cấp uỷ, tổ chức đảng; tổng kết thí điểm, mở rộng thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

- Công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy định, quy trình, thủ tục liên quan đến công tác cán bộ; thực hiện nghiêm quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền.

4.3. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

4.4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động

4.5. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên

4.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở

VI- Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cho ý kiến, thông qua Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 6 đến Hội nghị Trung ương 7 khoá XIII; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2021.

VII- CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Sau khi xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cho ý kiến về nhân sự đề Bộ Chính trị quyết định giới thiệu Quốc hội bầu, phê chuẩn các chức danh Tổng Kiểm toán Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Kỳ họp thứ tư Quốc hội khoá XV.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, quyết định đề cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII theo chủ trương của Bộ Chính trị tại Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ và Thông báo số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 về bố trí công tác đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng Nguyễn Thành Phong, Huỳnh Tấn Việt, Bùi Nhật Quang.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị và quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Trung ương Đảng khoá XIII; Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng do các vi phạm nghiêm trọng về nguyên tắc tập trung dân chủ, về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp uỷ, gây hậu quả rất nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn đến tài sản, ngân sách nhà nước, gây dư luận xấu, làm giảm uy tín của Đảng, chính quyền địa phương và cá nhân đồng chí.

BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY